

PHẠM MINH MỤC

MODULE TH

10

**GIÁO DỤC HOÀ NHẬP
CHO HỌC SINH KHIẾM THỊ,
HỌC SINH KHÓ KHĂN
VỀ HỌC VÀ HỌC SINH CÓ
KHUYẾT TẬT VỀ NGÔN NGỮ**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Module TH 10 gồm ba phần liên quan đến phương pháp dạy học hoà nhập học sinh khuyết tật:

- Phần 1: Giáo dục hoà nhập học sinh khiếm thị.
- Phần 2: Giáo dục hoà nhập học sinh có khó khăn về học.
- Phần 3: Giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật ngôn ngữ.

Trong đó:

Phần 1: Giáo dục hoà nhập học sinh khiếm thị, có các nội dung:

Nội dung 1: Những vấn đề chung về giáo dục học sinh khiếm thị.

Nội dung 2: Phương pháp, phương tiện dạy học hoà nhập học sinh khiếm thị bậc Tiểu học.

Nội dung 3: Những kỹ năng đặc thù trong giáo dục học sinh khiếm thị.

Nội dung 4: Rèn luyện kỹ năng đọc – viết chữ Braille.

Phần 2: Giáo dục hoà nhập học sinh có khó khăn về học, có các nội dung:

Nội dung 1: Khái niệm học sinh có khó khăn về học.

Nội dung 2: Kỹ thuật dạy học học sinh có khó khăn về học.

Phần 3: Giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật ngôn ngữ, có các nội dung:

Nội dung 1: Khái niệm về học sinh khuyết tật ngôn ngữ.

Nội dung 2: Phương pháp phục hồi và rèn luyện cấu âm cơ bản.

Nội dung 3: Phương pháp phục hồi và phát triển kỹ năng phát âm theo thành phần âm tiết.

Nội dung 4: Phát triển vốn từ và khả năng ngữ pháp cho học sinh khuyết tật ngôn ngữ.



B. NỘI DUNG

Phần 1: GIÁO DỤC HOÀ NHẬP HỌC SINH KHIẾM THỊ

Nội dung 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HỌC SINH KHIẾM THỊ

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm trẻ khiếm thị.
- Mô tả được đặc điểm nhận thức, giao tiếp và nhân cách của trẻ khiếm thị.

1.2. Kỹ năng

- Xác định, phân loại được mức độ khuyết tật thị giác của trẻ khiếm thị.
- Vận dụng các phương pháp để tìm hiểu khả năng và nhu cầu của trẻ khiếm thị.

1.3. Thái độ

- Tin tưởng vào khả năng còn tiềm ẩn của trẻ khiếm thị.
- Đối xử bình đẳng và tôn trọng trẻ khiếm thị.

2. CHUẨN BỊ

- Tài liệu học:
 - + Tài liệu viết của tiểu module.
 - + Các trích đoạn băng hình.
- Tài liệu tham khảo:
 - + Giáo dục học trẻ khiếm thị,
 - + Tâm lý học trẻ khiếm thị,
 - + Giáo trình cao đẳng sư phạm: Phần giáo dục trẻ khuyết tật,
- Tranh, ảnh, băng hình về hoạt động của trẻ khiếm thị.

3. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm học sinh khiếm thị

1. NHIỆM VỤ

* *Học viên tìm hiểu khái niệm "Trẻ khiếm thị":*

- **Hợp tác nhóm:** Chia lớp học thành những nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 3 đến 5 học viên; cá nhân suy nghĩ trong 2 phút, sau đó các nhóm trao đổi trong 10 phút vấn đề trên.
- **Báo cáo kết quả và bổ sung ý kiến** của các nhóm và giảng viên.

* *Tìm hiểu về trẻ khiếm thị:*

- **Nội dung:** Mục đích phân loại khuyết tật thị giác, tiêu chí phân loại khuyết tật và các mức độ khuyết tật thị giác của trẻ.
- **Hình thức hoạt động:** Chia lớp thành nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 3 đến 5 học viên, các nhóm trao đổi thảo luận dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- **Báo cáo phản hồi, giảng viên bổ sung ý kiến.**

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

* *Khái niệm về trẻ khiếm thị:*

- Trẻ khiếm thị là trẻ dưới 18 tuổi có khuyết tật thị giác, khi đã có phương tiện trợ giúp nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn trong các hoạt động cần sử dụng mắt.
- Trẻ khiếm thị có những mức độ khác nhau về thị lực và thị trường của thị giác.
- Người bình thường, có thị lực bằng 1 Vis; thị trường ngang (góc nhìn bao quát theo chiều ngang) một mắt là 150° ; cả hai mắt là 180° ; thị trường dọc (góc nhìn bao quát theo chiều đứng) là 110° .

* *Phân loại mức độ khiếm thị:*

Căn cứ vào mức độ khiếm khuyết của thị giác, người ta chia tật thị giác thành hai loại: mù và nhìn kém (việc phân loại thị giác còn phụ thuộc vào mục tiêu của từng ngành chức năng: Y tế, Giáo dục, Lao động-Thương binh và Xã hội...)

- Trẻ mù: được chia làm 2 mức độ:

+ Mù hoàn toàn: thị lực = 0 đến 0,005 Vis, thị trường = 0 tới 10° với cả 2 mắt.

- + Mù thực tế: thị lực còn 0,005 đến 0,04 Vis, thị trường còn nhỏ hơn 10° khi đã được các phương tiện trợ giúp tối đa (Mắt còn khả năng phân biệt sáng tối nhưng không rõ).
- Trẻ nhìn kém: được chia làm 2 mức độ:
 - + Nhìn quá kém: thị lực còn từ 0,05 đến 0,08 Vis khi có các phương tiện trợ giúp tối đa. Trẻ gặp rất nhiều khó khăn trong học tập khi sử dụng mắt và cần được giúp đỡ thường xuyên trong sinh hoạt và học tập.
 - + Nhìn kém: thị lực còn 0,09 đến 0,3 Vis khi đã có các phương tiện trợ giúp tối đa, trẻ vẫn gặp khó khăn trong hoạt động. Tuy nhiên, trẻ này có khả năng tự phục vụ, ít cần sự giúp đỡ thường xuyên của mọi người, còn chủ động trong mọi hoạt động hằng ngày.

* *Nguyên nhân khuyết tật thị giác:*

Trẻ bị khiếm thị do nhiều nguyên nhân. Những nguyên nhân chính gây tật thị giác là:

- Do bẩm sinh (từ trong bụng mẹ): do di truyền gen; bố hoặc mẹ bị nhiễm chất độc hoá học; mẹ bị cúm lúc mang thai hoặc bị tai nạn gây chấn thương thai nhi...
- Hậu quả của các bệnh: thiếu vitamin A, đau mắt hột, tiểu đường, HIV/AIDS...
- Hậu quả của tai nạn: lao động, giao thông, chiến tranh, đánh nhau, chơi trò chơi nguy hiểm, ...

* *Một số khó khăn trẻ khiếm thị thường mắc phải:*

- Mức độ khó khăn trong đời sống mà trẻ khiếm thị thường gặp phải phụ thuộc rất nhiều vào mức độ khuyết tật của thị giác. Trẻ mù nhận biết thế giới bên ngoài không phải bằng mắt. Do đó, hình ảnh của sự vật và hiện tượng thường không rõ ràng, thiếu chính xác, đôi khi sai lệch.
- Trẻ mù bẩm sinh không thu nhận được hình ảnh từ thị giác, do đó không có khái niệm thực về màu sắc.
- Trẻ khó khăn trong định hướng di chuyển: đi chậm, lệch hướng, hay bị va vấp.
- Trẻ khó khăn trong lao động tự phục vụ, sinh hoạt hằng ngày.
- Trẻ khó cảm thụ vẻ đẹp của thiên nhiên, của con người.
- Trẻ khó tham gia các trò chơi vận động thể dục, thể thao.

- Trẻ rất khó khăn trong việc học và làm những nghề cần sự phối hợp tay và mắt như sự tham gia của mắt để theo dõi, kiểm tra điều chỉnh các thao tác của tay.
- Trong quá trình học tập, trẻ mù gặp phải hàng loạt những khó khăn:
 - + Giai đoạn luyện phát âm ở đầu bậc Tiểu học: do không quan sát được, trẻ mù rất khó hoặc không thể bắt chước luyện theo hình miệng của giáo viên.
 - + Mặc dù có thể dùng tay sờ để khám phá, thu nhận thông tin để phát triển nhận thức, nhưng tay sờ thường chậm hơn và hiệu quả thấp hơn so với sử dụng mắt. Nhiều hình ảnh trẻ mù rất khó hoặc không thể nhận dạng bằng tay như con hổ, đám mây hoặc các tranh vẽ trong sách giáo khoa phổ thông...
 - + Bằng cách mô tả và quan sát mô hình, trẻ mù có thể hiểu được các sự vật và hiện tượng nhưng phải trải qua quá trình rèn luyện đặc biệt và phức tạp hơn nhiều so với trẻ sáng mắt.
 - + Vốn từ của trẻ thường nghèo nàn, thiếu nội dung cụ thể và mang tính hình thức. Do đó, trẻ khó diễn đạt một cách sát thực về sự hiểu biết của mình, đôi khi sai lệch so với thực tế.
 - + Trẻ mù viết chữ nổi không khó, nhưng các em gặp những khó khăn khi sửa bài viết bằng chữ nổi. Nguyên nhân là do chữ nổi không thể sửa bài bằng cách viết bổ sung, viết thêm vào phía trên hàng hoặc dưới hàng chữ đã viết.

3. GHI NHỚ

- Khái niệm trẻ khiếm thị: Trẻ khiếm thị là trẻ dưới 18 tuổi có khuyết tật thị giác, khi đã có phương tiện trợ giúp nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn trong các hoạt động cần sử dụng mắt.
- Mục đích đánh giá: Đánh giá mức độ suy giảm thị lực ảnh hưởng đến quá trình phát triển, học tập và sinh hoạt của trẻ khiếm thị, từ đó lựa chọn phương pháp, kĩ năng giáo dục phù hợp.
- Phân loại khuyết tật thị giác:
 - + Mù hoàn toàn: thị lực = 0 đến 0,005 Vis, thị trường = 0 tới 10° với cả 2 mắt.
 - + Mù thực tế: Thị lực còn 0,005 đến 0,04 Vis hoặc thị trường còn nhỏ hơn 10° khi đã được các phương tiện trợ giúp tối đa. (Mắt còn khả năng phân biệt sáng tối nhưng không rõ).

- + *Nhìn quá kém: Thị lực còn từ 0,05 đến 0,08 Vis khi có các phương tiện trợ giúp tối đa. Trẻ gặp rất nhiều khó khăn trong học tập khi sử dụng mắt và cần được giúp đỡ thường xuyên trong sinh hoạt và học tập.*
- + *Nhìn kém: Thị lực còn 0,09 đến 0,3 Vis khi đã có các phương tiện trợ giúp tối đa trẻ vẫn gặp khó khăn trong hoạt động. Tuy nhiên, trẻ này có khả năng tự phục vụ, ít cần sự giúp đỡ thường xuyên của mọi người, còn chủ động trong mọi hoạt động hàng ngày.*

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm nhận thức của học sinh khiếm thị

1. NHIỆM VỤ

- **Hình thức hoạt động:** Hợp tác nhóm 4 – 5 người, trao đổi và thảo luận các vấn đề sau:
- + Những đặc điểm nhận thức cảm tính và lí tính của trẻ khiếm thị ;
- + Những hạn chế và những khó khăn trong các quá trình tâm lí trên.
- **Phản hồi nhóm, giảng viên bổ sung kiến thức.**

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong các hoạt động và trong đời sống xã hội, nhưng các đặc điểm tâm lí của trẻ nhìn kém vẫn gần giống những đặc điểm tâm lí của trẻ sáng cùng độ tuổi, nên trong giới hạn phạm vi của tài liệu này chủ yếu tập trung vào đối tượng trẻ mù và nhìn quá kém.

* *Đặc điểm nhận thức cảm tính:*

- Hoạt động nhận thức cảm tính là hình thức khởi đầu trong sự phát triển hoạt động nhận thức của con người.
- Cảm giác là quá trình tâm lí phản ánh từng thuộc tính riêng lẻ của sự vật và hiện tượng khi trực tiếp tác động vào giác quan của ta.

Ví dụ: Đặt vào tay trẻ mù một vật lạ, trẻ rất khó trả lời đúng đó là vật gì. Nhưng nếu hỏi: Em cảm thấy vật đó thế nào? (cứng, mềm, nhẵn, nóng, lạnh, nặng, nhẹ...). Nếu trẻ trả lời được tức là trẻ có cảm giác.

- Trẻ mù hoàn toàn còn có những cảm giác:
- + Cảm giác nghe;
- + Cảm giác sờ;
- + Cảm giác cơ khớp vận động;

- + Cảm giác rung;
- + Cảm giác mùi vị;
- + Cảm giác thăng bằng.

Đối với trẻ mù, cảm giác sờ và cảm giác nghe đem lại khả năng thay thế chức năng nhìn của mắt có hiệu quả nhất.

– Nhận thức cảm tính của trẻ khiếm thị có những đặc điểm sau:

- + Đặc điểm cảm giác xúc giác của trẻ khiếm thị:
 - Cảm giác xúc giác là tổng hợp của nhiều loại cảm giác gồm: cảm giác áp lực, cảm giác nhiệt, cảm giác đau, cảm giác sờ...
 - Có hai loại cảm giác xúc giác: cảm giác xúc giác tuyệt đối và cảm giác xúc giác phân biệt.
 - Ngưỡng cảm giác tuyệt đối là khả năng cảm nhận rõ một điểm của vật tác động lên bề mặt của da.
 - Đo cảm giác tuyệt đối bằng giác kế (bộ lông nhỏ), xác định được diện tích của một điểm tác động lên từng bộ phận của cơ thể người (khả năng cảm nhận được một điểm) tính theo miligam/milimét vuông. Ví dụ: Ngưỡng cảm giác tuyệt đối trên một số vùng da của người: đầu lưỡi 2, đầu ngón tay trỏ 2,2, môi 5, bụng 26, thắt lưng 48, gan bàn chân 250.
 - Ngưỡng cảm giác phân biệt là khả năng nhận biết hai điểm gần nhau đang kích thích trên da. Nếu tính khoảng cách giữa hai điểm theo đơn vị milimét thì ngưỡng cảm giác phân biệt các vùng trên cơ thể như sau: môi 4,5, cổ 54,2, đùi và lưng 67,4...
 - Khoảng cách tối thiểu giữa các chấm nổi trong ô kí hiệu Braille chỉ bằng 2,5mm (ngưỡng xúc giác phân biệt ở đầu ngón tay trỏ của người bình thường là 2,2mm và ở người mù được rèn luyện tốt là 1,2mm). Nhờ vậy, tay của người mù sờ đọc chữ Braille không gặp khó khăn về nguyên tắc. Đó cũng chính là cơ sở khoa học của hệ thống kí hiệu Braille.
- + Đặc điểm cảm giác thính giác của trẻ khiếm thị:
 - Cùng với cảm giác xúc giác, cảm giác thính giác là một trong những cảm giác quan trọng giúp trẻ mù giao tiếp, định hướng trong các hoạt động: học tập, lao động và sinh hoạt cuộc sống.
 - Tai người hơn hẳn tai động vật ở chỗ hiểu được ngôn ngữ, cảm thụ được phẩm chất của âm thanh như cường độ, trường độ và nhịp điệu.

- Âm thanh phản ánh nhiều thông tin: Vật nào phát ra âm thanh, khoảng cách và vị trí không gian của vật phát ra âm thanh đối với người nghe, các vật xung quanh, vật phát ra âm thanh tĩnh tại hay chuyển động; chuyển động theo hướng nào? (an toàn hay nguy hiểm; sôi động hay yên tĩnh...).

Nhờ âm thanh giọng nói của đối tượng đang giao tiếp, trẻ mù có thể biết được trạng thái tâm lý của họ.

+ Ngưỡng cảm giác thính giác của trẻ khiếm thị:

Độ nhạy cảm âm thanh của mọi người đều phát triển theo quy luật chung. Tuy nhiên, khi bị mù buộc họ phải thường xuyên lắng nghe đủ mọi âm thanh, nên độ nhạy cảm giác nghe của họ tốt. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là mọi người mù đều có độ nhạy âm thanh tốt hơn người sáng mắt.

Khoa học và thực tiễn đã chứng minh được rằng: muốn có độ nhạy của thính giác cần phải được rèn luyện thường xuyên. Âm nhạc là một công cụ rèn luyện thính giác rất tốt cho trẻ mù.

+ Đặc điểm các loại cảm giác khác của trẻ mù:

- Cảm giác cơ khớp vận động: Là cảm giác nhận biết tín hiệu từ các cơ quan vận động của cơ thể. Với người sáng mắt, cảm giác cơ khớp vận động ít có ý nghĩa. Với người mù, nhờ có cảm giác này trong khi di chuyển, họ điều chỉnh bước đi chính xác hơn, nhận biết nhiều dấu hiệu không gian, khoảng cách, phương hướng, tốc độ... của vật thể.
- Cảm giác rung: Là cảm giác phản ánh sự dao động của môi trường không khí. Loại cảm giác này ở người bình thường ít có ý nghĩa thiết thực trừ một số ít người làm nghề lái máy bay, lái ô tô, lái xe gắn máy... nhờ nó có thể biết được tình trạng hoạt động của máy móc. Với người mù nhờ cảm giác rung, họ đoán được vật cản, độ lớn, khoảng trống sắp đi tới.
- Cảm giác mùi, vị: Cảm giác mùi, vị phản ánh tính chất hoá học của vật chất. Vật chất đó tan trong không khí (hiện tượng thăng hoa), tác động vào cơ quan thụ cảm là mũi (mùi); Vật chất đó được cơ quan thụ cảm là lưỡi tiếp nhận (vị); Thông qua mùi, người mù để xác định được đối tượng như mùi nhà ăn hay nhà vệ sinh.
- Người mù cảm nhận người quen có thể qua mùi mồ hôi...
- Cảm giác thăng bằng: Là cảm giác phản ánh sự cảm nhận vị trí của cơ thể trong không gian. Bộ máy nhạy cảm thăng bằng là bộ phận tiền đình nằm ở tai trong.

Thực nghiệm cho thấy: trong điều kiện như nhau, người mù và người sáng mắt nhắm lại thì người mù có độ nhạy cảm thăng bằng và định hướng không gian tốt hơn.

+ Đặc điểm tri giác của trẻ khiếm thị:

- Tri giác là một quá trình tâm lý phản ánh một cách trọn vẹn thuộc tính của sự vật và hiện tượng khi chúng tác động trực tiếp vào các giác quan của ta.
- Không phải chỉ có một cơ quan mà có cả hệ cơ quan phân tích tham gia vào quá trình tri giác. Tùy theo đối tượng và nhiệm vụ tri giác mà xác định giác quan nào giữ vai trò chính. Nếu nghe giảng văn thì thính giác giữ vai trò chủ yếu, nếu xem tranh vẽ thì mắt giữ vai trò chính.
- Hình ảnh xuất hiện trên vỏ não do tri giác sờ đem lại tuy bị hạn chế hơn so với tri giác nhìn, nhưng cũng giúp cho trẻ mù nhận biết hình ảnh một cách trung thực.
- Giữa mắt và tay có thể phản ánh những dấu hiệu giống nhau (hình dạng, độ lớn, phương hướng, khoảng cách, thực thể, chuyển động hay đứng yên) và những dấu hiệu khác nhau.
- Nhận biết về màu sắc, ánh sáng, bóng tối thì mắt mới phản ánh đầy đủ trọn vẹn.
- Nhận biết về áp lực, trọng lượng, nhiệt độ thì tay phản ánh tốt hơn.

Thực nghiệm cho thấy, hiệu quả tri giác sờ chỉ được phát huy khi trẻ bị mù hoàn toàn. Đó là điều lý giải vì sao người sáng mắt khi bị bịt mắt để sờ đọc và viết chữ nổi không hiệu quả như người mù.

* *Đặc điểm nhận thức lý tính của trẻ khiếm thị:*

– Đặc điểm tư duy của trẻ khiếm thị:

- + Tư duy là một quá trình tâm lý phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ bên trong, có tính quy luật của sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan mà trước đó ta chưa biết.
- + Ngôn ngữ giữ vai trò đặc biệt trong quá trình tư duy. Ở trẻ mù, chức năng cơ bản của ngôn ngữ không bị rối loạn. Do đó, tư duy của trẻ vẫn đủ điều kiện phát triển. Tuy nhiên, những thao tác tư duy diễn ra phức tạp và khó khăn.
- + Quá trình phân tích, tổng hợp dựa trên kết quả của quá trình nhận thức cảm tính (cảm giác, tri giác). Ở trẻ mù, nhận thức cảm tính lại bị khiếm

khuyết, không đầy đủ, do đó, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả tư duy (phân tích, tổng hợp).

Quá trình so sánh thường dựa vào kết quả phân tích, tổng hợp để tìm ra những dấu hiệu giống và khác nhau giữa các sự vật và hiện tượng. Trẻ mù khó tự tìm ra những dấu hiệu bản chất để khái quát hoá và phân loại theo một hệ thống xác định. Đôi khi các em chỉ dựa vào một dấu hiệu đơn lẻ để khái quát thành một nhóm chung.

Ví dụ: Dựa vào tên gọi những vật và con vật có "từ cánh", có em xếp tất cả vào nhóm có cánh: cánh cò, cánh bướm, cánh cửa...

Nhờ có khả năng bù trừ chức năng của các giác quan nên khả năng nhận thức của trẻ không bị ảnh hưởng nhiều. Vì thế, tư duy của trẻ mù vẫn có thể phát triển bình thường.

- Đặc điểm tượng tượng của trẻ khiếm thị:
- + Tượng tượng là một quá trình tâm lí phản ánh những cái chưa từng có trong kinh nghiệm của cá nhân, là quá trình xây dựng những hình ảnh mới trên cơ sở những biểu tượng đã có.
- + Biểu tượng là những hình ảnh được lưu giữ lại nhờ kết quả tri giác của sự vật và hiện tượng trước đó. Đó là những hình ảnh xuất hiện trên não bộ không phải do các sự vật đang trực tiếp tác động lên cơ quan cảm giác mà chỉ là hình ảnh của trí nhớ. Do những hạn chế của quá trình tiếp nhận thông tin của trẻ khiếm thị, biểu tượng của trẻ khiếm thị có những đặc điểm sau:
 - Khuyết lệch, nghèo nàn;
 - Hình ảnh bị đứt đoạn;
 - Mức độ khái quát thấp.
- + Tượng tượng được xây dựng trên cơ sở của biểu tượng. Một khi biểu tượng bị nghèo nàn, khuyết lệch, mờ nhạt, đứt đoạn, chắp vá thì chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới khả năng phát triển của tượng tượng, tức là hạn chế khả năng tái tạo, sáng tạo.

Ví dụ 1: Trẻ mù bẩm sinh, chưa được nhìn thấy trực tiếp đám mây thì khó tượng tượng ra hình ảnh: một lùm cây xanh in trên nền trời xanh biếc, có đám mây trắng ngà.

Ví dụ 2: Trẻ mù bẩm sinh, trong giấc mơ không bao giờ có hình ảnh màu sắc.

Trẻ mù ở độ tuổi trưởng thành, vẫn có nhiều cơ hội phát triển tượng tượng.

3. GHI NHỚ

- *Đặc điểm nhận thức cảm tính:*
- + Tri giác thị giác bị suy giảm hoặc mất hoàn toàn, cảm giác về không gian, màu sắc, hình khối kém phát triển.
- + Ngưỡng cảm giác thính giác, xúc giác giảm rõ rệt nên tri giác âm thanh và tri giác xúc giác phân biệt tăng, bổ sung cho sự thiếu hụt do thị lực bị suy giảm.
- + Cảm giác thăng bằng và cảm giác cơ khớp phát triển vượt trội.
- *Đặc điểm nhận thức lí tính:*
- + Đặc điểm biểu tượng: khuyết lệch, nghèo nàn, hình ảnh bị đứt đoạn; mức độ khái quát thấp.
- + Tưởng tượng của trẻ mù có đặc điểm:
 - Hạn chế khả năng tái tạo, sáng tạo hình ảnh mới (đôi khi đánh giá không đúng sự thật hoặc cường điệu hoá).
 - Trí tưởng tượng nghèo nàn.
- + Đặc điểm tư duy:
 - Ngôn ngữ giữ vai trò đặc biệt trong quá trình tư duy, chức năng cơ bản của ngôn ngữ không bị rối loạn. Do đó, tư duy của trẻ vẫn đủ điều kiện phát triển. Tuy nhiên, những thao tác tư duy diễn ra phức tạp và khó khăn.
 - Nhờ có khả năng bù trừ chức năng của các giác quan nên khả năng nhận thức của trẻ không bị ảnh hưởng nhiều, vì thế tư duy của trẻ mù vẫn có thể phát triển bình thường.

Hoạt động 3: Tìm hiểu đặc điểm giao tiếp của học sinh khiếm thị

1. NHIỆM VỤ

- Tìm hiểu khái niệm giao tiếp sư phạm và các đặc điểm giao tiếp của trẻ khiếm thị.
- Trao đổi, thảo luận nhóm nhỏ 4 – 5 người.
- Báo cáo phản hồi nhóm và bổ sung ý kiến.

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

- Lời nói mang nặng tính hình thức, khó diễn đạt ý nghĩa của câu nói.
- Mất hoặc giảm khả năng bắt chước những cử động, biểu hiện của nét mặt người khác cũng như khả năng biểu đạt bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt của mình, đặc biệt là trẻ mù.

- Khó tham gia vào các hoạt động giao tiếp, nhất là những hoạt động giao tiếp đòi hỏi phải có sự định hướng, di chuyển trong không gian.
- Bị động trong giao tiếp, không xác định được khoảng cách, số lượng người trong không gian giao tiếp,
- Xuất hiện tâm lí mặc cảm, tự ti, ngại giao tiếp.

Nội dung 2

PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN GIÁO DỤC HOÀ NHẬP TRẺ KHIẾM THỊ BẬC TIỂU HỌC

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức

- Cần phương pháp và phương tiện dạy học; phương pháp và phương tiện đặc thù trong dạy học hoà nhập trẻ khiếm thị.
- Tác dụng và hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp và phương tiện dạy học hoà nhập trẻ khiếm thị vào các môn học, bài học ở bậc Tiểu học.

1.2. Kỹ năng

- Vận dụng các phương pháp dạy học hoà nhập trẻ khiếm thị phù hợp với các môn học, bài học và khả năng tiếp nhận thông tin của trẻ khiếm thị.
- Sử dụng phương tiện dạy học hoà nhập trẻ khiếm thị và tự làm những phương tiện dạy học đơn giản phù hợp với môn học, bài học và khả năng hoạt động của trẻ khiếm thị.

Thái độ:

- Đánh giá đúng vai trò, ý nghĩa của phương pháp và phương tiện đặc thù trong dạy học hoà nhập.
- Vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học lớp học có trẻ khiếm thị.
Có ý thức làm, tìm kiếm và sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học hoà nhập trẻ khiếm thị.

2. CHUẨN BỊ

- Đọc các tài liệu hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học.
- Các trích đoạn băng hình.
- Học liệu phục vụ học tập.

3. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động: Tìm hiểu phương pháp, phương tiện dạy học và dạy học hoà nhập học sinh khiếm thị

1. NHIỆM VỤ

- * *Tìm hiểu về phương pháp dạy học trẻ khiếm thị:*
 - Tìm hiểu khái niệm phương pháp dạy học; phương pháp đặc thù dạy học trẻ khiếm thị
 - Hình thức hoạt động:
 - + Trao đổi nhóm nhỏ 4 – 5 người. Câu hỏi thảo luận: Phương pháp dạy học là gì? Phân tích những phương pháp đang sử dụng trong trường phổ thông hiện nay. Những phương pháp đặc thù trong dạy học hoà nhập trẻ khiếm thị?
 - + Phản hồi nhóm và bổ sung ý kiến.
- * *Tìm hiểu khái niệm phương tiện dạy học:*
 - Tìm hiểu khái niệm phương tiện dạy học; phương tiện đặc thù dạy học trẻ khiếm thị.
 - Hình thức hoạt động: Trao đổi nhóm nhỏ 4 – 5 người. Câu hỏi thảo luận: Phương tiện dạy học là gì? Phân tích những phương tiện đang sử dụng trong trường phổ thông hiện nay. Những phương tiện đặc thù trong dạy học hoà nhập trẻ khiếm thị?
 - Phản hồi nhóm và bổ sung ý kiến.

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

- * *Phương pháp dạy học:* Là con đường hoặc cách thức thực hiện mục tiêu; là tổng hợp các cách thức hoạt động của thầy và của trò nhằm thực hiện tốt mục tiêu dạy học.
 - Phương pháp dạy học ở bậc Tiểu học hiện nay:
 - + Nhóm phương pháp dùng lời: giải thích, thuyết trình, chứng minh, báo cáo, giải thích, vấn đáp.
 - + Nhóm phương pháp trực quan: quan sát, trình bày trực quan...
 - + Nhóm phương pháp thực hành: luyện tập, trò chơi, thực nghiệm...
 - + Các phương pháp khác:

- Phương pháp dạy học thi đua (ganh đua).
- Phương pháp dạy học cá thể hoá.
- Phương pháp dạy học hợp tác nhóm.
- Phương pháp thực nghiệm, thực hành.

Nhìn chung, các phương pháp dạy học trong nhà trường hiện nay đều có thể sử dụng trong dạy học hoà nhập trẻ khiếm thị.

Ngoài các phương pháp trên, khi dạy học hoà nhập trẻ khiếm thị, giáo viên cần phải sử dụng những phương pháp đặc thù sau:

- Phương pháp trực quan: Trẻ em bình thường quan sát chủ yếu bằng tri giác nhìn, còn trẻ mù quan sát chủ yếu bằng tri giác sờ. Vì vậy, hướng dẫn trẻ khiếm thị nặng quan sát “sờ” kết hợp với hướng dẫn bằng lời là phương pháp rất hiệu quả và được sử dụng thường xuyên.
- Phương pháp sờ đọc và viết chữ Braille.
- Phương pháp sờ đọc bằng tay nhận biết các kí hiệu khác nhau theo cấu trúc 6 chấm nổi trong ô Braille.
- Phương pháp viết kí hiệu Braille bằng bảng, chữ và giấy Braille.
- Phương pháp ghi nhớ kí hiệu ghi chữ cái, vần, chữ Braille Việt ngữ.
- Phương pháp rèn luyện kĩ năng đọc, viết, sửa lỗi các bài đọc, bài viết theo sách giáo khoa bằng kí hiệu Braille.

* *Phương tiện dạy học:*

- Phương tiện dạy học là hệ thống đối tượng vật chất (cả các phương tiện kĩ thuật) được người giáo viên sử dụng trong quá trình tổ chức hoạt động học tập của học sinh, học sinh tham gia vào quá trình sử dụng đó nhằm thực hiện nhiệm vụ học tập đặt ra.
- Các phương tiện dạy học đang dùng ở tiểu học hiện nay:
 - + Các tài liệu và giáo khoa: tranh, ảnh, bản đồ.
 - + Mẫu vật: mẫu vật thật, mẫu vật phục chế.
 - + Mô hình, dụng cụ, máy móc.
 - + Các phương tiện nghe nhìn:
 - Máy chiếu diafilm.
 - Máy thu thanh (radio), máy thu thanh có ghi âm.
 - Máy chiếu phim và phim điện ảnh.

- Đầu đĩa hình và đĩa ghi hình.
- Đầu đĩa tiếng và đĩa ghi âm.
- Máy thu hình (tivi).
- Đầu video và băng video.
- Máy chiếu tranh, ảnh, tài liệu in và tranh ảnh, tài liệu in dùng cho máy episcopo.
- Máy chiếu qua đầu và bản trong.
- Máy chiếu đa năng.
- + Các phương tiện nêu trên đều có thể dùng chung cho trẻ bình thường và trẻ nhìn kém. Riêng tranh, ảnh, bản đồ dùng cho trẻ nhìn kém cần đơn giản hoá các chi tiết phụ, màu sắc phù hợp với tri giác nhìn của trẻ nhìn kém, đồng thời phải có màu sắc tương phản giữa nền và hình.
- + Những phương tiện không thể dùng chung cho trẻ bình thường và trẻ mù gồm: tranh, ảnh, bản đồ phẳng, máy chiếu tranh, ảnh, tài liệu in...
- + Ngoài những phương tiện dùng chung cho trẻ bình thường và trẻ mù như mẫu vật, mô hình dụng cụ, máy móc, máy thu thanh, máy ghi âm, đầu đĩa tiếng và đĩa ghi âm, hoá chất, trẻ mù cần có các phương tiện dạy học đặc biệt sau:
 - Tranh, ảnh, bản đồ nổi, hình vẽ nổi, sơ đồ nổi, hình nổi.
 - Bộ chữ nổi, ô và thanh con cấm, con xoay.
 - Bảng, chữ viết và giấy Braille.
 - Các loại thước có kí hiệu nổi (thước kẻ, êke, thước đo độ).
 - Bàn tính sôrôban, bàn tính taylo (bàn tính ô vuông).
 - Compa đặc biệt.

3. GHI NHỚ

- Có thể sử dụng các phương pháp dạy học hiện nay trong dạy học hoà nhập học sinh khiếm thị. Chú ý: các phương pháp phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh: phương pháp cá biệt hoá, hợp tác nhóm, nêu vấn đề, trò chơi, đặc biệt phương pháp đọc viết chữ Braille.
- Phương tiện dạy học hoà nhập học sinh khiếm thị cần chú ý đến đặc điểm tri giác của trẻ khiếm thị là tri giác nhìn bị suy giảm đáng kể hoặc mất hoàn toàn, nên:

- + Tăng cường sử dụng vật thật, mô hình.
- + Tiêu bản, mô hình cần lược bớt các chi tiết phụ và phức tạp.
- + Tranh, ảnh, bản đồ chuyển sang hình nổi và bỏ các chi tiết nhỏ, phức tạp.
- + Đồ dùng học tập (thuốc kẻ, thước dây, êke, thước đo độ...) có kí hiệu nổi hoặc chìm.
- + Bộ chữ nổi, ô Braille, thanh con cấm và con cấm, con xoay.
- + Bảng chữ viết và giấy Braille.
- + Bàn tính sô rô ban, bàn tính taylo (bàn tính ô vuông), máy tính có âm thanh.

Nội dung 3

NHỮNG KĨ NĂNG ĐẶC THÙ TRONG GIÁO DỤC HỌC SINH KHIẾM THỊ

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức

- Xác định được 3 kĩ năng trong nhóm các kĩ năng đặc thù của trẻ khiếm thị là: định hướng – di chuyển; giao tiếp và tự phục vụ.
- Mô tả đặc điểm cơ bản về ba kĩ năng trên của trẻ khiếm thị.
- Xây dựng nội dung và lập kế hoạch hướng dẫn hình thành các kĩ năng.

1.2. Kĩ năng

Hình thành và rèn luyện các kĩ năng:

- Định hướng – di chuyển.
- Giao tiếp.
- Tự phục vụ.

1.3. Thái độ

- Có thái độ và phản ứng phù hợp với trẻ khiếm thị.
- Xây dựng môi trường, điều kiện cho các em được phát triển các kĩ năng tốt nhất.

Trong nội dung 3, các bạn sẽ tiếp cận với các hoạt động của trẻ khiếm thị trong giao tiếp, công việc tự phục vụ bản thân và định hướng di chuyển, từ đó có những hiểu biết rõ hơn về đặc điểm của trẻ, những khó khăn và cách tổ chức hỗ trợ cho trẻ trong học tập, sinh hoạt thường ngày.

2. CHUẨN BỊ

- Tài liệu đọc.
- Bảng hình và các loại học phẩm phục vụ cho học tập

3. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Phát triển kĩ năng giao tiếp của học sinh khiếm thị

1. NHIỆM VỤ

- * *Tìm hiểu khả năng giao tiếp của trẻ khiếm thị:*
 - Xem trích đoạn băng hình.
 - Cá nhân suy nghĩ, sau đó liệt kê những khó khăn và đặc điểm giao tiếp của trẻ khiếm thị; ảnh hưởng của khuyết tật thị giác tới sự phát triển ngôn ngữ.
 - Phản hồi nhóm và bổ sung ý kiến.
- * *Một số biện pháp phát triển kĩ năng giao tiếp của trẻ khiếm thị:*
 - Tổ chức hoạt động: hoạt động nhóm nhỏ 4 – 5 thành viên, thảo luận các nhiệm vụ sau:
 - + Lựa chọn một số kĩ năng giao tiếp cần phát triển ở trẻ khiếm thị.
 - + Xây dựng biện pháp hình thành các kĩ năng đó.
 - Phản hồi nhóm và bổ sung ý kiến.

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

- * *Quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ khiếm thị:*

Trong năm đầu tiên của cuộc đời, trẻ khiếm thị giao tiếp chủ yếu với người lớn. Cha mẹ giao tiếp với chúng như giao tiếp với trẻ sáng. Họ sử dụng cả lời nói và sự tiếp xúc da thịt với con của mình. Trong thời gian này, cha mẹ luôn là người khởi đầu sự tương tác. Họ mong tìm thấy sự phản hồi ở đứa con thương yêu của mình. Trẻ khiếm thị cũng có những hành vi giao tiếp phản hồi. Chúng có thể dùng tay đẩy khi không thích, cũng có thể nắm áo kéo lại hoặc cười với cha mẹ. Tuy nhiên, trẻ thường không quay mặt về phía người mà chúng đang tương tác. Hành vi này thường ít gây kích thích hứng thú tương tác cho cha mẹ trẻ, cha mẹ trẻ không nhìn thấy được ánh mắt từ con họ và kết quả là họ dần dần chán nản. Do vậy, những mối tương tác với trẻ của họ ngắn dần đi về mặt thời gian và ít dần đi về mặt số lượng.

Ở lứa tuổi lớn hơn, trẻ khiếm thị bắt đầu mở rộng mối quan hệ tương tác của mình, không chỉ với những người thân như cha mẹ, ông bà mà được mở rộng ra với bạn bè cùng trang lứa. Sự tương tác bắt đầu trở nên phức tạp hơn khi trẻ bắt đầu có nhu cầu quen biết nhau. Lúc này, trẻ có thể biểu hiện được sự thân thiện và tiến đến gần nhau để cùng chơi, cùng nói chuyện...

Khi tuổi lớn dần lên thì những khó khăn trong giao tiếp của trẻ khiếm thị bộc lộ rõ hơn. Trẻ không theo kịp bạn sáng trong trò chơi đòi hỏi nhiều kĩ năng. Chúng không biết làm thế nào để tham gia vào nhóm chơi; không biết cách khởi đầu và duy trì sự giao tiếp.

Do không nhận được thông tin thị giác (ánh mắt, cử chỉ, dáng điệu, nụ cười...) nên người giao tiếp và trẻ khiếm thị không hiểu được chính xác thông điệp của nhau. Do đó, các phản hồi có thể không phù hợp, làm cho hứng thú giao tiếp giảm đáng kể. Thiếu hụt trong thích ứng giao tiếp làm cho trẻ ít được sự chấp nhận của bạn bè sáng mắt và trở nên cô độc trong mối tương tác bạn bè. Hậu quả là trẻ khiếm thị không phát triển được những kĩ năng ngôn ngữ và kĩ năng giao tiếp phù hợp, trẻ gặp nhiều khó khăn khi giao tiếp với mọi người.

Trẻ mù thường có xu hướng tập trung hứng thú vào những hành động của riêng mình: hỏi và lặp lại nhiều câu hỏi; có những đòi hỏi không bình thường đối với người khác; thay đổi chủ đề một cách đột ngột; hoặc không có phản hồi trở lại đối với những lời nói, hành vi hoặc sự quan tâm của người khác.

Ở trẻ thường hay xuất hiện và phát triển những hành vi không phù hợp, đó là những hành vi điển hình (ấn tay vào mắt, vẩy vẩy tay, bật ngón tay tạo tiếng kêu, đung đưa người, có những động tác khác thường bằng đầu, ồm ồm rên rỉ trong miệng...). Hành vi này có tác động xấu tới giao tiếp của trẻ và không được sự chấp nhận của đối tác giao tiếp.

Qua những hoạt động giao tiếp tương tác, trẻ khiếm thị cũng có hạn chế trong việc nắm được thông tin về trình độ năng lực của mình cũng như của bạn sáng mắt. Hạn chế này góp phần làm cho trẻ khiếm thị tin rằng những người sáng mắt là những người cao cấp hơn, giỏi giang hơn. Điều đó làm cho trẻ khó so sánh chính xác mức độ hoàn thành công việc của mình và bạn sáng mắt. Các em không tự tin khi giao tiếp với bạn học sáng mắt, cũng không thích tham gia các hoạt động. Các hoạt động trở nên quá khó, quá nguy hiểm và đòi hỏi các kĩ năng quá cao. Vì vậy, các em khó có thể tiếp cận giao tiếp, hoạt động cùng các bạn nam. Chúng

thường chơi cùng bạn nữ như là một giải pháp thay thế để chống lại sự cô độc. Mọi trẻ khiếm thị đều có thói quen tương tác với những bạn riêng lẻ bên ngoài nhóm đồng. Chúng cũng muốn có ai đó để giao tiếp.

* *Ảnh hưởng của khuyết tật thị giác tới sự phát triển ngôn ngữ:*

- Những năm tháng đầu đời, tật khiếm thị đã gây cản trở quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ. Vấn đề chính không phải là ở chỗ trẻ không có khả năng nhìn thấy miệng của người khác và cách trẻ tạo âm thanh như thế nào mà điều cơ bản là *người khác đã tương tác phản hồi lại với trẻ như thế nào*. Cha mẹ trẻ khiếm thị có thể gặp khó khăn trong việc hiểu được những lời bập bẹ của con họ vì trẻ khiếm thị bị hạn chế về khả năng sử dụng ánh mắt điệu bộ để giúp cha mẹ hiểu rõ những gì chúng đang bập bẹ.

Do có sự khác nhau về kinh nghiệm và các cơ sở cũng như vật liệu cho quá trình thu nhận thông tin, trẻ khiếm thị tiếp thu được những từ ngữ khác với trẻ sáng. Chúng thường sử dụng nhiều từ ngữ để nói về hành động của chúng; chúng gọi đồ chơi, vật nuôi, hay con người bằng những cái tên riêng biệt hơn; sử dụng ít từ mang tính bổ nghĩa. Khuyết tật thị giác còn là nguyên nhân dẫn đến việc sử dụng sai ngôn ngữ của trẻ, như:

- + Hạn chế nghĩa của từ: Do cách thức học và trải nghiệm, trẻ khiếm thị chỉ hiểu rằng từ mà các em học được là để chỉ cụ thể một vật mà em đã tiếp xúc có thể bằng xúc giác, thính giác hoặc các giác quan khác.
- + Quá mở rộng nghĩa của từ: Trên cơ sở những thông tin thu nhận được bằng tri giác như âm thanh, cấu trúc, mùi vị và trọng lượng, các em có thể hiểu rằng những gì mang đặc điểm tương tự sẽ là những thứ mà các em đã trải nghiệm trước đó.
- + Kết cấu cú pháp mà các em học được ít có sự linh động biến hoá trong khi sử dụng.
- Khi trẻ mù biết nói, ngôn ngữ của chúng thường có ba đặc điểm sau: hỏi nhiều câu hỏi, lặp lời và đưa ra những bình luận không ăn nhập.
- + Câu hỏi:

Trẻ mù có xu hướng hỏi nhiều câu hỏi đôi khi không phù hợp. Điều quan trọng là phải nhận biết được mục đích ẩn sau mỗi câu hỏi và giúp trẻ tìm cách khác thay thế để thể hiện nhu cầu của mình. Những mục đích đó có thể là: nắm thông tin, thu hút sự chú ý, phản ứng lại khi bối rối hoặc sợ hãi. Trẻ nên được học những cách thức giao tiếp phù hợp để đạt được